

Số: 734/ĐA-ĐHV

Nghệ An, ngày 04 tháng 7 năm 2018

ĐỀ ÁN
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2018
(Bản rút gọn)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TRƯỜNG

Tên trường: **Trường Đại học Vinh** Tên tiếng Anh: **Vinh University**
Trụ sở chính: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại: (0238) 3855452 Fax: (0238) 3855269
Website: www.vinhuni.edu.vn Email: vinhuni@vinhuni.edu.vn
Năm bắt đầu đào tạo khóa 1: 1959

II. CÁC THÔNG TIN TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tham gia kỳ thi THPT Quốc gia năm 2018 và đã tốt nghiệp THPT.

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước.

3. Chỉ tiêu năm 2018: 5.250 chỉ tiêu.

4. Xét tuyển theo nhóm ngành:

Năm 2018, Trường Đại học Vinh tuyển sinh theo nhóm ngành; thí sinh được đăng ký một số nguyện vọng chọn ngành đào tạo theo thứ tự ưu tiên. Chỉ tiêu của từng nhóm ngành ở mục 6.

Các nhóm ngành xét tuyển

Nhóm 1: Khối ngành kinh tế

1. Kế toán
2. Tài chính ngân hàng (*chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp và chuyên ngành Ngân hàng thương mại*)
3. Quản trị kinh doanh
4. Kinh tế (*chuyên ngành Kinh tế đầu tư và chuyên ngành Quản lý Kinh tế*)
5. Kinh tế nông nghiệp

Nhóm 2: Khối ngành kỹ thuật, công nghệ

1. Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
2. Kỹ thuật điện tử - viễn thông
3. Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
4. Kỹ thuật xây dựng
5. Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
6. Kỹ thuật công trình thủy
7. Công nghệ thực phẩm
8. Công nghệ kỹ thuật hóa học
9. Công nghệ thông tin
10. Công nghệ kỹ thuật nhiệt (*Chuyên ngành Nhiệt - Điện lạnh*)
11. Công nghệ kỹ thuật ô tô
12. Kinh tế xây dựng

Nhóm 3: Khối ngành Nông lâm ngư, Môi trường

1. Nông học

2. Nuôi trồng thủy sản
3. Khoa học môi trường
4. Quản lý tài nguyên và môi trường
5. Quản lý đất đai
6. Khuyến nông
7. Chăn nuôi
8. Công nghệ sinh học

Nhóm 4: Khối ngành Khoa học xã hội và nhân văn

1. Chính trị học
2. Chính trị học (*chuyên ngành Chính sách công*)
3. Quản lý văn hóa
4. Việt Nam học (*chuyên ngành Du lịch*)
5. Quản lý giáo dục
6. Công tác xã hội
7. Báo chí
8. Luật
9. Luật kinh tế
10. Quản lý nhà nước

Nhóm 5: Gồm các khối ngành

- Nhóm ngành Sư phạm tự nhiên

1. Sư phạm Toán học
2. Sư phạm Tin học
3. Sư phạm Vật lý
4. Sư phạm Hóa học
5. Sư phạm Sinh học
6. Sư phạm khoa học Tự nhiên

- Nhóm ngành Sư phạm xã hội

1. Sư phạm Ngữ văn
2. Sư phạm Lịch sử
3. Sư phạm Địa lý
4. Giáo dục chính trị
5. Giáo dục Quốc phòng - An ninh

- Các ngành Sư phạm năng khiếu tuyển theo ngành

1. Giáo dục Mầm non
2. Giáo dục Thể chất

- Các ngành tuyển theo ngành

1. Sư phạm tiếng Anh
2. Ngôn ngữ Anh
3. Giáo dục Tiểu học

Nhóm 6: Nhóm ngành sức khỏe

1. Điều dưỡng

5. Phương thức tuyển sinh: Đại học Vinh tuyển sinh theo 03 phương thức:

- **Phương thức 1:** Xét tuyển dựa vào kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia năm 2018.

- **Phương thức 2:** Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia năm 2018 kết hợp với thi tuyển năng khiếu (đối với các ngành năng khiếu).

- **Phương thức 3:** Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT.

6. Chỉ tiêu tuyển sinh:

6.1. Các ngành đào tạo đại học

TT	Tên ngành	Mã ngành	Chi tiêu		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Theo xét KQ thi THPTQG	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1	Kê toán	7340301	170	30	A00		A01		D01			
2	Tài chính ngân hàng (chuyên ngành Tài chính doanh nghiệp; chuyên ngành Ngân hàng thương mại)	7340201	120	30	A00		A01		D01			
3	Quản trị kinh doanh	7340101	150	30	A00		A01		D01			
4	Kinh tế (chuyên ngành Kinh tế đầu tư và chuyên ngành Quản lý Kinh tế)	7310101	60	20	A00		A01		D01			
5	Kinh tế nông nghiệp	7620115	50	20	A00		A01		D01			
6	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	80	30	A00		B00		D01		A01	
7	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7710207	80	30	A00		B00		D01		A01	
8	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216	80	30	A00		B00		D01		A01	
9	Kỹ thuật xây dựng	7580201	200	30	A00		B00		D01		A01	
10	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205	150	30	A00		B00		D01		A01	
11	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	7580202	80	30	A00		B00		D01		A01	
12	Công nghệ thực phẩm	7540101	110	20	A00		B00		D01		A01	
13	Công nghệ kỹ thuật hóa học (chuyên ngành Hóa dược - Mỹ phẩm)	7510401	40	10	A00		B00		D01		A01	
14	Công nghệ thông tin	7480201	220	30	A00		B00		D01		A01	
15	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (chuyên ngành nhiệt điện lạnh)	7510206	100	30	A00		B00		D01		A01	
16	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	100	30	A00		B00		D01		A01	
17	Kinh tế xây dựng	7580301	100	30	A00		B00		D01		A01	
18	Nông học	7620109	40	15	A00		B00		D01			
19	Nuôi trồng thủy sản	7620301	70	30	A00		B00		D01			
20	Khoa học môi trường	7440301	50	20	A00		B00		D01			
21	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	50	20	A00		B00		D01			
22	Quản lý đất đai	7850103	50	20	A00		B00		D01			
23	Khuyến nông	7620102	40	15	A00		B00		D01			
24	Chăn nuôi	7620105	50	20	A00		B00		D01			
25	Công nghệ sinh học	7420201	100	30	A00		B00		D01			
26	Chính trị học	7310201	30	10	C00		D01		A00		A01	
27	Chính trị học (chuyên ngành Chính sách công)	7310201	21	9	C00		D01		A00		A01	
28	Quản lý văn hóa	7229042	50	20	C00		D01		A00		A01	
29	Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	7310630	130	40	C00		D01		A00		A01	
30	Quản lý giáo dục	7140114	50	20	C00		D01		A00		A01	
31	Công tác xã hội	7760101	80	30	C00		D01		A00		A01	
32	Báo chí	7320101	70	30	C00		D01		A00		A01	
33	Luật	7380101	260	40	C00		D01		A00		A01	
34	Luật kinh tế	7380107	260	40	C00		D01		A00		A01	
35	Quản lý nhà nước	7310205	80	20	C00		D01		A00		A01	
36	Sư phạm Toán học	7140209	80		A00		A01		B00			

37	Sư phạm Tin học	7140210	20		A00		A01		B00			
38	Sư phạm Vật lý	7140211	20		A00		A01		B00			
39	Sư phạm Hóa học	7140212	20		A00		A01		B00			
40	Sư phạm Sinh học	7140213	20		A00		A01		B00			
41	Sư phạm Ngữ văn	7140217	50		C00		D01		A00			
42	Sư phạm Lịch sử	7140218	20		C00		D01		A00			
43	Sư phạm Địa lý	7140219	20		C00		D01		A00			
44	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	30		A00		A01		B00			
45	Giáo dục chính trị	7140205	20		C00		D01		A00			
46	Giáo dục Tiểu học	7140202	100		C00		D01		A00			
47	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	40		C00		D01		A00			
48	Giáo dục Mầm non	7140201	150		M00		M01					
49	Giáo dục Thể chất	7140206	20		T00							
50	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	80				D01					
51	Ngôn ngữ Anh	7220201	200	20			D01					
52	Điều dưỡng	7720301	100	20			B00		A00		D07	
Tổng									5250			

6.2. Các ngành đào tạo đại học chất lượng cao

Năm tuyển sinh 2018, Nhà trường tuyển sinh thêm 3 ngành đại học chất lượng cao gồm:

1. Quản trị kinh doanh; Mã ngành: 7340101; Chỉ tiêu: 35.

Các mã tổ hợp môn xét tuyển: A00; A01; D01.

2. Công nghệ thông tin; Mã ngành: 7480201; Chỉ tiêu: 35.

Các mã tổ hợp môn xét tuyển: A00; B00; D01; A01.

3. Sư phạm Toán học; Mã ngành: 7140209; Chỉ tiêu: 35.

Các mã tổ hợp môn xét tuyển: A00; A01; B00.

- Học phí thu theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời Nhà trường áp dụng mức học phí và lộ trình tăng học phí cho từng năm theo quy định của Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ. Riêng ngành chất lượng cao sư phạm Toán học nhà trường không thu học phí.

- Sau khi thí sinh trúng tuyển vào nhập học Nhà trường sẽ tổ chức thi và xét tuyển vào lớp chất lượng cao.

7. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận đăng ký xét tuyển

- Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) Trường Đại học Vinh tự xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, công bố trên trang thông tin điện tử của Đại học Vinh trước khi thí sinh điều chỉnh nguyện vọng.

- Đối với các ngành đào tạo thuộc nhóm ngành đào tạo giáo viên: căn cứ kết quả của kỳ thi THPT quốc gia 2018, Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Vinh xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào cho từng ngành nhưng không dưới ngưỡng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

8. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- Mã trường: TDV

- Mã số ngành, tổ hợp xét tuyển: như mục II.4

8.1. Phương thức xét tuyển

8.1.1. Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2018

Không ít hơn 70% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh.

8.1.2. Xét tuyển học bạ THPT (không xét tuyển đối với các ngành sư phạm)

Không quá 30% chỉ tiêu đăng ký tuyển sinh, với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.
- + Tổng điểm các môn: theo tổ hợp các môn đăng ký xét tuyển của năm lớp 12 lấy trung bình từ 6.00 điểm trở lên. Điểm ưu tiên sẽ được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8.1.3. Xét tuyển thẳng

1. Tuyển thẳng theo Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

a) Đối tượng, hồ sơ, thời gian đăng ký, lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển: Trường Đại học Vinh thực hiện theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2018.

b) Danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển:

Căn cứ phụ lục số 6 và phụ lục số 7 của Công văn 899/BGDĐT-GDĐH, ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Vinh quy định danh mục ngành đăng ký tuyển thẳng đối với thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia THPT bao gồm:

TT	Môn thi sinh đạt giải	Ngành được xét tuyển thẳng	Mã ngành
1.	Toán	Công nghệ thông tin	7480201
2.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
3.		Kỹ thuật xây dựng	7580208
4.		Sư phạm Toán học	7140209
5.	Vật lý	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301
6.		Kỹ thuật điện tử truyền thông	7520207
7.		Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7520216
8.		Kỹ thuật xây dựng	7580208
9.		Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	7580205
10.		Sư phạm Vật lý	7140211
11.	Hóa học	Công nghệ thực phẩm	7540101
12.		Khoa học môi trường	7440301
13.		Sư phạm Hoá học	7140212
14.	Sinh học	Khoa học Môi trường	7440301
15.		Nuôi trồng Thủy sản	7620301
16.		Sư phạm Sinh học	7140213
17.	Ngữ Văn	Báo chí	7320101
18.		Sư phạm Ngữ văn	7140217
19.		Việt Nam học (chuyên ngành Du lịch)	7220113
20.	Lịch sử	Công tác xã hội	7760101
21.		Quản lý văn hóa	7220342
22.		Sư phạm Lịch sử	7140218
23.	Địa lý	Quản lý đất đai	7850103
24.		Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101
25.		Sư phạm Địa lý	7140219
26.	Tin học	Công nghệ Thông tin	7480201
27.		Sư phạm Tin học	7140210
28.	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh	7140231
29.		Ngôn ngữ Anh	7220201

- Đối với thí sinh đoạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức, Trường Đại học Vinh căn cứ vào kết quả dự án đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật, ngành thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng, Hiệu trưởng xem xét và quyết định.

c) Xét tuyển đối với thí sinh khuyết tật: Trường Đại học Vinh thực hiện theo điểm g, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh năm 2018. Thí sinh phải có đầy đủ hồ sơ học tập, hồ sơ sức khỏe có xác nhận của cơ sở y tế có thẩm quyền. Sau khi Hội đồng tuyển sinh kiểm tra tình trạng sức khỏe yêu cầu của ngành học mà thí sinh đăng ký, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét và quyết định cho vào học.

d) Xét tuyển đối với thí sinh là người nước ngoài: Trường Đại học Vinh thực hiện theo điểm h, khoản 2, Điều 7 của Quy chế tuyển sinh năm 2018. Căn cứ kết quả học tập Trung học phổ thông của thí sinh, kết quả kiểm tra kiến thức và tiếng Việt, Hiệu trưởng Nhà trường xem xét, quyết định cho vào học.

2. Tuyển thẳng các thí sinh là học sinh của các trường THPT chuyên:

a) Đối tượng: Trường Đại học Vinh tuyển thẳng tất cả các ngành (*trừ các ngành *sur pham**) đối với học sinh tốt nghiệp hệ chuyên của các trường THPT chuyên trên toàn quốc.

b) Hồ sơ xét tuyển thẳng gồm:

- Phiếu đăng ký xét tuyển (*có mẫu kèm theo*).
- Bằng tốt nghiệp THPT (*bản sao có công chứng*).
- Sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương.
- Học bạ (*bản sao có công chứng*).
- 02 ảnh cỡ 4x6cm (*mặt sau có ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh*).
- 02 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận, điện thoại liên hệ.
- Lệ phí dự tuyển (*theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo*).

9. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối từng ngành đào tạo

Thời gian; hình thức nhận ĐKXT **đợt 1** và **đợt 2** theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và thông báo tuyển sinh của Trường Đại học Vinh

Nguyên tắc xét tuyển

- Dựa vào kết quả của kỳ thi THPT Quốc gia thí sinh đăng ký xét tuyển theo tổ hợp các môn thi, bài thi của nhóm ngành.

- Lấy điểm từ cao xuống đến hết chỉ tiêu của nhóm ngành nhưng không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển có kết quả từ 1,0 điểm trở xuống.

- Thí sinh có nguyện vọng và nộp hồ sơ xét tuyển.

- Riêng các ngành đào tạo *sur pham*: Ngoài kết quả kỳ thi THPT Quốc gia, thí sinh phải có hạnh kiểm của 3 năm học (*Lớp 10, 11, 12*) THPT đạt từ loại Khá trở lên.

Xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu

a) Các ngành xét tuyển kết hợp thi tuyển gồm:

1. Giáo dục Mầm non - Mã ngành: 7140201
2. Giáo dục Thể chất - Mã ngành: 7140206

b) Nguyên tắc xét tuyển kết hợp thi tuyển năng khiếu:

b1) Đối với ngành Giáo dục Mầm non:

- Lấy kết quả thi THPT Quốc gia các tổ hợp bài thi môn Toán, Ngữ văn và Toán, tiếng Anh.

- Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu ngành Giáo dục Mầm non của Trường Đại học Vinh.

- Điểm môn năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm các nội dung: Hát; Đọc - kể diễn cảm).
- Thí sinh có nguyện vọng và nộp hồ sơ xét tuyển.

b2) Đối với ngành Giáo dục Thể chất:

- Lấy kết quả thi THPT Quốc gia của môn thi Sinh học và bài thi môn Toán học.
- Thi tuyển môn năng khiếu theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy trình, tiêu chí tuyển sinh năng khiếu Giáo dục Thể chất của Trường Đại học Vinh, hoặc sử dụng kết quả thi năng khiếu cùng nội dung của các trường đại học trên toàn quốc cấp để xét tuyển.

- Điểm môn thi năng khiếu nhân hệ số 2 (gồm các nội dung: Bật xa tại chỗ, chạy luân cọc 30m (chạy zích zắc) chạy 100m).

- Thí sinh có nguyện vọng và nộp hồ sơ xét tuyển.

c) Thời gian và địa điểm nộp hồ sơ thi năng khiếu:

- Thí sinh lấy mẫu Hồ sơ thi năng khiếu tại Website: <http://www.vinhuni.edu.vn>
- Thời gian nộp Hồ sơ thi năng khiếu từ ngày 30/4/2018 đến 10/6/2018
- Địa điểm: Phòng Đào tạo, Tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh
Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.
Điện thoại: 0238.8988989

Website: <http://www.vinhuni.edu.vn>

Thời gian thi năng khiếu (dự kiến): Từ ngày 27/6/2018 đến ngày 30/6/2018

10. Quy trình xét tuyển

10.1. Xét tuyển nguyện vọng I

10.1.1. Hồ sơ đăng ký xét tuyển:

- Bản chính (bản gốc) Giấy chứng nhận kết quả thi kỳ thi THPT quốc gia 2018 (dùng để xét tuyển nguyện vọng 1) có chữ ký và đóng dấu đỏ của nơi thí sinh dự thi.
- Phiếu đăng ký xét tuyển nguyện vọng I (theo mẫu của Bộ Giáo dục và Đào tạo) thí sinh được đăng ký tối đa 2 nhóm ngành theo tổ hợp môn thi, bài thi xét tuyển của Trường (ghi cả phần chữ và mã quy định tương ứng theo phụ lục kèm theo). Các nguyện vọng được xếp theo thứ tự ưu tiên từ 1 đến 2.

- Phong bì đã dán sẵn tem ghi rõ họ tên, địa chỉ, điện thoại liên lạc của thí sinh.

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Hồ sơ đăng ký xét tuyển qua đường bưu điện, trực tuyến hoặc nộp trực tiếp.

Riêng đối với thí sinh đã dự thi môn Năng khiếu vào 2 ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục thể chất, nộp giấy chứng nhận kết quả thi các môn văn hoá kì thi THPT quốc gia theo tổ hợp môn thi, bài thi về Trường để xét tuyển.

10.1.2. Nguyên tắc xét tuyển:

Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn xét tuyển đối với các tổ hợp môn thi, bài thi của nhóm ngành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng và giữa hai khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.1.3. Thời gian nhận hồ sơ:

- Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Buổi sáng từ 8h00' đến 11h00', buổi chiều từ 14h00' đến 17h00' (trừ thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ lễ).

10.1.4. Địa điểm nhận hồ sơ trực tiếp:

Phòng Đào tạo, tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.8988989

Website: <http://www.vinhuni.edu.vn>

10.2. Xét tuyển bổ sung

10.2.1. Quy định đăng ký xét tuyển đối với thí sinh:

a) Trong các đợt xét tuyển bổ sung, sau khi đã ĐKXT vào trường, thí sinh không được rút hồ sơ để chuyển sang trường khác.

b) Thí sinh sử dụng số mã vạch của mỗi Giấy chứng nhận kết quả thi để ĐKXT vào một trường duy nhất; gửi Phiếu ĐKXT (theo mẫu 1) theo một trong các phương thức sau:

- Nộp tại Sở Giáo dục và Đào tạo hoặc trường THPT do Sở Giáo dục và Đào tạo quy định.

- Qua đường bưu điện bằng hình thức chuyển phát nhanh.

- Nộp trực tiếp tại trường.

(ĐKXT qua đường bưu điện và nộp trực tiếp tại trường cần kèm theo bản photo Giấy chứng nhận kết quả thi, một phong bì đã dán sẵn tem ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc của thí sinh).

- Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Các hồ sơ không đúng quy định sẽ không được xét tuyển.

c) Khi trúng tuyển, thí sinh mang theo Giấy chứng nhận kết quả thi để làm thủ tục nhập học tại trường.

10.2.2. Nguyên tắc xét tuyển:

Trên cơ sở đăng ký xét tuyển của thí sinh và điểm chuẩn xét tuyển đối với các tổ hợp môn thi, bài thi của ngành, Hội đồng tuyển sinh Nhà trường xét tuyển thứ tự theo tổng điểm (kể cả điểm khu vực và điểm ưu tiên nếu có) từ cao xuống thấp cho đến hết chỉ tiêu.

Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp và giữa hai khu vực kế tiếp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.2.3. Thời gian nhận hồ sơ:

- Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Buổi sáng từ 8h00' đến 11h00', buổi chiều từ 14h00' đến 17h00' (trừ thứ 7, chủ nhật và ngày nghỉ lễ).

10.2.4. Địa điểm nhận hồ sơ trực tiếp:

Phòng Đào tạo, Tầng 1, Nhà Điều hành, Trường Đại học Vinh

Địa chỉ: Số 182, đường Lê Duẩn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điện thoại: 0238.8988989

Website: <http://www.vinhuni.edu.vn>

11. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (b/c);
- Vụ Giáo dục Đại học;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính;
- Lưu: HCTH, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký)

GS.TS. Đinh Xuân Khoa